

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 3 - 2025
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hoàng Bảy
2. Bà Huỳnh Khiết Như

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Đào – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 341/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXX-ST ngày 05 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Quang V, sinh năm 1994.

Địa chỉ: số B, ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Điện thoại: 0968.834.364.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Nhung E, sinh năm 1995.

Địa chỉ: ấp C, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Điện thoại: 0968.75.5712.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là anh Trần Quang V có đơn xin vắng mặt.

Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2024, nguyên đơn là anh Trần Quang V trình bày:

Anh Trần Quang V và chị Nhung E là do tự quen biết chúng anh Trần Quang V tìm hiểu nhau được khoảng thời gian thì được hai bên gia đình tổ chức đám cưới năm 2018, tự nguyện chung sống đến ngày 01/8/2019 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Sau khi đám cưới sống hạnh phúc được khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không có sự tin tưởng trong cuộc sống hôn nhân, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm thường xuyên cự cãi mặc dù đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Không rõ lý do như nào mà chị N Em đã trở về nhà cha mẹ ruột tại tỉnh Sóc Trăng sinh sống từ tháng 7/2024 cho đến nay.

Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Trần Quang Đ, sinh ngày 18/7/2019 và Trần Quang Tiến T, sinh ngày 18/6/2021 hiện đang sống cùng anh Trần Quang V.

Yêu cầu Toà giải quyết nội dung sau:

Về tình cảm: Xin được ly hôn với Nguyễn Thị Nhung E.

Về con chung: Anh Trần Quang V yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Quang Đ, sinh ngày 18/7/2019 và Trần Quang Tiến T, sinh ngày 18/6/2021; không yêu cầu chị Nhung E thực hiện việc cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Nhung E vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và tư cách của người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhận thấy quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã mâu thuẫn trầm trọng, đồng thời, nguyên đơn cương quyết ly hôn với bị đơn. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn

Về con chung: Do 02 con chung tên Trần Quang Đ, sinh ngày 18/7/2019 và Trần Quang Tiến T, sinh ngày 18/6/2021 đang ở cùng với nguyên đơn, vì vậy đề

ngợi Hội đồng xét xử tiếp tục giao các con chung cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do nguyên đơn không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: do nguyên đơn khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không rõ lý do. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự, không trái với quy định của pháp luật, đồng thời Tòa án đã tiến hành các thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt. Cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 3, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, nguyên đơn có ý kiến cương quyết đòi ly hôn với bị đơn, đồng thời xác định không còn tình cảm gì đối với bị đơn nữa. Vì vậy, đã đủ cơ sở để xác định cuộc sống vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: theo lời khai của nguyên đơn cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thì nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên Trần Quang Đ, sinh ngày 18/7/2019 và Trần Quang Tiến T, sinh ngày 18/6/2021 đang ở cùng với nguyên đơn. Xét thấy, để tránh những xáo trộn trong đời sống, tâm sinh lý, gây ra những ảnh hưởng không tốt đến việc phát triển bình thường của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của nguyên đơn, tiếp tục giao 02 con chung tên Trần Quang Đ, sinh ngày 18/7/2019 và Trần Quang Tiến T, sinh ngày 18/6/2021 cho nguyên đơn nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do nguyên đơn không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, đồng thời cũng không có ý kiến tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phải đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung và tài sản chung: Do nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[6] Về án phí HNST: Nguyên đơn phải chịu án phí HNST.

[7] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2, Điều 227, khoản 1, khoản 3, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Quang V và chị Nguyễn Thị Nhung E.

2. Về con chung:

Giao 02 con chung tên Trần Quang Đ, sinh ngày 18/7/2019 và Trần Quang Tiến T, sinh ngày 18/6/2021 cho anh Trần Quang V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi thành niên (tròn 18 tuổi).

Chị Nguyễn Thị Nhung E có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

Chị Nguyễn Thị Nhung E không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Trần Quang Đ, sinh ngày 18/7/2019 và Trần Quang Tiến T, sinh ngày 18/6/2021 do anh Trần Quang V không có yêu cầu.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Do anh Trần Quang V khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

5. Về án phí, chi phí tố tụng:

Anh Trần Quang V phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm. Anh Trần Quang V đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009101 ngày 04/12/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách không phải nộp tiếp.

6. Án xử công khai, anh Trần Quang V có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa nên không có mặt khi tuyên án.

Chị Nguyễn Thị Nhung E không có mặt tại phiên Tòa và cũng không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- CCTHADS huyện Kế Sách;
- UBND xã (thị trấn) cấp giấy CNKH
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hải Duy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hải Duy

